

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Tuyến giao thông Nhơn Thành - Đập Đá (đoạn từ đường trục Khu kinh tế nối với khu dân cư Đông Bàn Thành 3) của UBND thị xã An Nhơn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 2952/STNMT-CCBVMТ ngày 21/10/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) của dự án dự án Tuyến giao thông Nhơn Thành - Đập Đá (đoạn từ đường trục Khu kinh tế nối với khu dân cư Đông Bàn Thành 3);

Xét nội dung Báo cáo ĐTM dự án Tuyến giao thông Nhơn Thành - Đập Đá (đoạn từ đường trục Khu kinh tế nối với khu dân cư Đông Bàn Thành 3) đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 1352/UBND ngày 27/10/2022 của UBND thị xã An Nhơn;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 960/TTr-STNMT ngày 16/11/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Tuyến giao thông Nhơn Thành - Đập Đá (đoạn từ đường trục Khu kinh tế nối với khu dân cư Đông Bàn Thành 3) (sau đây gọi là Dự án) của UBND thị xã An Nhơn (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại phường Nhơn Thành và phường Đập Đá, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (đề b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND thị xã An Nhơn;
- UBND phường Đập Đá;
- UBND phường Nhơn Thành;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K10.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
TUYẾN GIAO THÔNG NHƠN THÀNH - ĐẬP ĐÁ (ĐOẠN TỪ ĐƯỜNG
TRỤC KHU KINH TẾ NỐI VỚI KHU DÂN CƯ ĐÔNG BÀN THÀNH 3)
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2022 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Tuyến giao thông Nhơn Thành - Đập Đá (đoạn từ đường trục Khu kinh tế nối với khu dân cư Đông Bàn Thành 3).

- Địa điểm thực hiện: phường Nhơn Thành và phường Đập Đá, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Chủ dự án: UBND thị xã An Nhơn.

- Địa chỉ liên hệ: Số 78, đường Lê Hồng Phong, phường Bình Định, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án

- Đầu tư xây dựng xây dựng tuyến giao thông Nhơn Thành - Đập Đá (đoạn từ đường trục Khu kinh tế nối với khu dân cư Đông Bàn Thành 3), có tổng chiều dài 1.333,69 m, bao gồm:

+ Tuyến 1: Điểm đầu tuyến tại Km0+00, giáp đường trục Khu kinh tế tại lý trình Km17+070 đến điểm cuối tuyến tại Km0+816,20, giáp đường Võ Trú (thuộc phường Nhơn Thành) với chiều dài 816,20m.

+ Tuyến 2: Điểm đầu tuyến tại Km1+451,5, giáp đường Đô Đốc Bảo đến điểm cuối tuyến tại Km1+969, khu dân cư Đông Bàn Thành 2, với chiều dài 517,49 m.

- Hệ thống thoát nước mưa: xây dựng hệ thống thoát nước mưa dọc theo tuyến giao thông bằng đường ống BTCT D600, D800, D1000 xả vào mương thoát nước hiện trạng; lắp đặt 03 công hộp 2x1,5m.

- Xây dựng 01 cầu dầm 18m, 01 cầu bản hộp dài 10m, kết cấu bê tông cốt thép.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án

1.3.1. Các hạng mục công trình chính của dự án: san nền, đường giao thông, hệ thống thoát nước mưa, công trình an toàn giao thông.

1.3.2. Các hạng mục công trình phụ trợ của dự án: bãi chứa nguyên vật liệu với diện tích khoảng 200 m², trạm trộn bê tông có công suất thiết kế 50 m³/h, bãi thải của dự án khoảng 1 ha.

1.3.3. Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường: bố trí 01 nhà vệ sinh di động; tại khu vực trạm trộn bê tông bố trí hố lắng 02 ngăn để lắng nước thải (diện tích 5 m², chiều sâu 1,5 m); bố trí các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt,

chất thải nguy hại có dán nhãn cảnh báo.

1.4. Yếu tố nhạy cảm về môi trường: Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa với diện tích chiếm dụng vĩnh viễn khoảng 1,4 ha.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Hoạt động giải phóng mặt bằng: Dự án chiếm dụng vĩnh viễn khoảng 1,4 ha đất lúa 02 vụ, chiếm dụng tạm thời khoảng 0,27 ha đất lúa, ảnh hưởng đến sinh kế của 38 hộ dân (trong đó có 34 hộ bị thu hồi vĩnh viễn, 04 hộ bị thu hồi tạm thời).

- Quá trình thi công xây dựng: phát sinh nước thải, ô nhiễm nước mưa chảy tràn (cuốn theo bùn, đất), chất thải rắn, chất thải nguy hại, tiếng ồn, bụi và khí thải từ các thiết bị thi công, nguy cơ ô nhiễm nguồn nước tại khu vực, hư hỏng tuyến đường trong quá trình vận chuyển nguyên vật liệu, nguy cơ mất an toàn giao thông; gây ảnh hưởng đến việc thoát nước khu vực xung quanh,...

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh

3.1. Nước thải, khí thải

- Nước mưa chảy tràn có lẫn bùn, đất.

- Nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 0,9 m³/ngày, có hàm lượng các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD, COD) và vi sinh,...

- Khí thải, bụi phát sinh từ quá trình thi công, vận chuyển nguyên vật liệu.

3.2. Chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

3.2.1. Chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường

+ Hoạt động phát quang, dọn dẹp mặt bằng phát sinh khoảng 100 kg.

+ Hoạt động bóc phong hóa phát sinh khoảng 8.386,90 m³ đất thừa.

+ Hoạt động tháo dỡ công trình hiện hữu phát sinh khoảng 36,6 m³ xà bần.

- Chất thải rắn sinh hoạt (bao bì nhựa, vỏ hộp, thức ăn thừa,...) phát sinh khoảng 15kg/ngày, có tỷ lệ chất hữu cơ cao, dễ phân hủy; gây mùi hôi và ruồi, nhặng.

3.2.2. Chất thải nguy hại

Hoạt động thi công xây dựng của dự án có phát sinh chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát (giẻ lau dính dầu thải, bóng đèn huỳnh quang hỏng,...) với khối lượng khoảng 70kg/suốt thời gian thi công.

3.3. Tiếng ồn và độ rung: phát sinh trong quá trình thi công xây dựng, vận chuyển nguyên vật liệu.

3.4. Các tác động khác không liên quan đến chất thải: tác động từ quá trình chiếm dụng đất; hoạt động thi công gây nguy cơ ô nhiễm, hư hỏng tuyến

đường trong quá trình vận chuyển nguyên vật liệu, nguy cơ ngập úng cục bộ, mất an toàn giao thông,....

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, bụi, khí thải

4.1.1. Về xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt: bố trí 01 nhà vệ sinh di động tại khu vực lán trại của công trường để thu gom nước thải sinh hoạt; thuê đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định. Ngoài ra, thuê nhà vệ sinh của hộ dân gần dự án để sử dụng.

- Nước thải tại khu vực trạm trộn bê tông: tạo rãnh thu gom nước, đưa về hồ lắng chần, tái sử dụng cho hoạt động xây dựng.

- Nước mưa chảy tràn: tạo các rãnh thoát nước tạm thời tại khu vực thi công để thoát nước nhanh, không gây ngập úng cục bộ.

4.1.2. Về xử lý bụi, khí thải

- Thường xuyên phun nước giảm thiểu bụi tại các khu vực thi công và tuyến đường vận chuyển tại các đoạn qua khu dân cư với tần suất 02 lần/ngày và tăng cường vào mùa nắng.

- Đối với phương tiện vận chuyển đúng tải trọng cho phép, phủ bạt kín không để rơi vãi đất, cát ra đường.

- Đối với các bãi chứa nguyên vật liệu: sử dụng bạt che chắn xung quanh bãi chứa đảm bảo không cho phát tán bụi ra môi trường.

- Bố trí công nhân vệ sinh đất, cát rơi vãi trên đường (nếu có) và tại các tuyến đường phục vụ thi công.

4.2. Công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

- Bố trí thùng lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt đặt tại công trường thi công để thu gom theo đúng quy định.

- Đất thải: vận chuyển đổ thải tại thửa đất số 707, tờ bản đồ số 4, tại thôn Tân Nghi, xã Nhơn Mỹ, diện tích 1 ha (do ông Trần Văn Đắc là chủ thửa đất và đã được sự thống nhất của UBND xã Nhơn Mỹ), chiều cao đổ thải khoảng từ 0,9 - 1,0 m.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

Tại công trường thi công, bố trí các thùng lưu chứa chất thải nguy hại và chất thải công nghiệp phải kiểm soát có dán nhãn, lưu chứa và hợp đồng xử lý theo quy định.

4.3. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung

Sử dụng các thiết thi công được đăng kiểm, hạn chế sử dụng nhiều thiết bị phát sinh tiếng ồn lớn cùng một thời điểm.

4.4. các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.4.1. Phương án giảm thiểu tác động do hoạt động chiếm dụng đất lúa

- Phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, ổn định sinh kế theo quy định cho các hộ dân chịu tác động do hoạt động chuyển đổi mục đích sử dụng đất (đối với khoảng 1,4 ha đất lúa bị chiếm dụng vĩnh viễn và khoảng 0,27 ha đất lúa bị chiếm dụng tạm thời). Dự án chỉ được phép triển khai sau khi hoàn thành công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo quy định.

- Đối với khu vực chiếm dụng đất lúa tạm thời (khu vực bãi tập kết vật liệu, bãi chứa tạm thời và khu vực trạm trộn bê tông): sau khi kết thúc Dự án, tiến hành dọn dẹp mặt bằng, san gạt lớp đất mặt tạo bề mặt bằng phẳng trước khi bàn giao lại cho người dân, địa phương.

4.4.2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Tạo các rãnh thoát nước tạm thời tại các khu vực thi công các đoạn đường mới để đảm bảo vấn đề thoát nước mưa xung quanh Dự án.

- Thi công hoàn trả các tuyến mương đất phục vụ tưới tiêu nông nghiệp.

- Đảm bảo an toàn giao thông: thực hiện phân luồng giao thông, lắp đặt các đèn, biển báo và bảng hạn chế tốc độ qua khu vực thi công Dự án.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ Dự án trong giai đoạn thi công xây dựng

5.1. Giám sát không khí xung quanh

- Vị trí giám sát:

+ Tại đầu tuyến giáp đường trục khu kinh tế (X: 1.542.795; Y: 590.345), khu dân cư tại đường Võ Trứ (X: 1.541.977; Y: 590.346).

+ Tại khu dân cư tại đường Đô Độc Bảo (X: 1.541.343; Y: 590.348).

- Thông số giám sát: Tổng bụi lơ lửng, tiếng ồn, độ rung.

- Tần suất quan trắc: 03 tháng/lần.

- Chỉ tiêu so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT, QCVN 26:2010/BTNMT, QCVN 27:2010/BTNMT.

5.2. Giám sát chất lượng nước mặt

- Vị trí giám sát: mương đất tại vị trí xây dựng cầu (X: 1.542.795; Y: 590.345).

- Thông số giám sát: pH, BOD₅, COD, chất rắn lơ lửng TSS, Amoni, Nitrat, Phosphat, tổng dầu mỡ, tổng Coliform.

- Tần suất quan trắc: 03 tháng/lần.

- Chỉ tiêu so sánh: QCVN 08-MT:2015/BTNMT (cột B1).

5.3. Giám sát chất thải rắn

- Vị trí giám sát: khu vực tập kết chất thải rắn (chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng và chất thải nguy hại) tại công trường.

- Thông số giám sát: thành phần và khối lượng các chất thải phát sinh.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.